

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số: /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỶ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 410/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Công văn số 16857/UBND-VP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 272/BC-KTNS ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ bao gồm: mua sắm tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ; mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Thẩm quyền quyết định thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án (không bao gồm nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

d) Thẩm quyền khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

2. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

b) Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, xử lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3. Các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là đơn vị).

3. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy (chỉ áp dụng đối với thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 3; mua sắm tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 3 Điều 3; mua sắm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 3; việc điều chuyển tài sản công quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này).

4. Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện (sau đây gọi chung là Văn phòng huyện ủy).

5. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh (chỉ áp dụng đối với thẩm quyền quyết định mua sắm từ kinh phí mua sắm thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương).

6. Doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (không bao gồm vật tiêu hao)

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm: xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định:

Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức,

đơn vị từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức trực thuộc có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức.

Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với việc mua sắm tài sản công là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh quyết định mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức có dự toán mua sắm không quá 200 triệu đồng hoặc có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức.

đ) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp công lập có dự toán mua sắm không quá 200 triệu đồng hoặc có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

e) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) quyết định mua sắm các loại tài sản công (trừ các loại tài sản công quy định tại điểm a, điểm b khoản này) để phục vụ hoạt động của đơn vị từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước).

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản công, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh (bao gồm cả Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) quyết định:

Mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức trực thuộc có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức.

Mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với việc mua sắm vật tiêu hao từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức có dự toán mua sắm không quá 200 triệu đồng hoặc có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức.

c) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp công lập có dự toán mua sắm không quá 200 triệu đồng hoặc có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

d) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) quyết định mua sắm vật tiêu hao để phục vụ hoạt động của đơn vị từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước).

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản công, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh (bao gồm cả Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức trực thuộc Tỉnh ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân cấp tỉnh đóng trên địa bàn tỉnh quyết định:

Mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức trực thuộc có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) có dự toán mua sắm trên 200 triệu đồng hoặc có giá trị trên 200 triệu đồng/01 gói thầu từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Đối với mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu căn cứ dự toán kinh phí khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền giao để quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy):

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị để quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước).

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân) sử dụng nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao để mua sắm hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê các tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tàu, thuyền các loại.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định quyết định thuê các loại tài sản sau đây để phục vụ công tác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền các loại cho các đơn vị trực thuộc.

b) Thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô) và các loại tài sản công khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô) và các loại tài sản công khác từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có mức giá thuê trên 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm hoặc trên 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/01 lần thuê.

Đối với việc thuê tài sản công là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô) và các loại tài sản công khác từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định quyết định thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ xe ô tô; tàu, thuyền các loại và các loại và tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện căn cứ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước) quyết định thuê các loại tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, tàu, thuyền các loại) để phục vụ hoạt động của đơn vị.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi

a) Xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

b) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi các loại tài sản (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

Đối với tài sản mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tàu, thuyền các loại giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Tài sản công từ Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và ngược lại.

c) Tài sản công khác (trừ các loại tài sản công quy định tại điểm a, điểm b khoản này): giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh theo đề nghị của cơ quan cấp tỉnh có liên quan; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và ngược lại theo đề nghị của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện này quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác quản lý theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã và ngược lại theo đề nghị của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển các loại tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Đối với việc điều chuyển tài sản từ Văn phòng huyện ủy sang các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán (trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập):

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Đối với việc bán tài sản tại Văn phòng Huyện ủy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định bán máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc do cơ quan, tổ chức cấp tỉnh tổ chức bán.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc do cơ quan, tổ chức cấp huyện tổ chức bán.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức;

b) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của đơn vị sự nghiệp công lập có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức trực thuộc có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Đối với việc thanh lý tài sản tại Văn phòng huyện ủy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định thanh lý máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản. Đối với việc tiêu hủy tài sản tại Văn phòng huyện ủy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tiêu hủy máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý xe ô tô; tàu, thuyền các loại.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên /01 đơn vị tài sản. Đối với tài sản công của Văn phòng Huyện ủy trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác (trừ các loại tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các tài sản được giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các tài sản được giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý, trừ các loại tài sản quy định tại điểm b khoản này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước thuộc phạm vi quản lý.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, hủy hoại) của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quyết định đầu tư.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, hủy hoại) của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc cấp huyện quyết định đầu tư.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khai thác

a) Di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan; di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp.

b) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác:

a) Phòng truyền thống; tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện ủy); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định việc khai thác: Phòng truyền thống tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Hai Mươi Bốn thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

b) Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành theo Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 15;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STC, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh